

Số: 924 /TB-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO

Lịch thi và danh sách phòng thi kỳ thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
Đợt thi ngày 16&17 tháng 10 năm 2020

I. LỊCH THI

THỨ SÁU, NGÀY 16/10/2020					
Phòng thi	Ca thi	Thời gian thí sinh có mặt	Thời gian thi trắc nghiệm	Thời gian thi thực hành	Địa điểm thi (Trắc nghiệm + Thực hành)
TH01	3	12:00	12:30	13:15	Phòng thực hành máy tính 01
TH02	4	14:30	15:00	15:45	Phòng thực hành máy tính 01
THỨ BẢY, NGÀY 17/10/2020					
Phòng thi	Ca thi	Thời gian thí sinh có mặt	Thời gian thi trắc nghiệm	Thời gian thi thực hành	Địa điểm thi (Trắc nghiệm + Thực hành)
TH03	1	7:00	7:30	8:15	Phòng lab 01
TH04					Phòng lab 02
TH05	2	9:30	10:00	10:45	Phòng lab 01
TH06					Phòng lab 02
TH07	3	12:00	12:30	13:15	Phòng lab 01
TH08					Phòng lab 02
TH09	4	14:30	15:00	15:45	Phòng lab 01
TH10					Phòng lab 02
TH11	5	17:00	17:30	18:15	Phòng lab 01
TH12					Phòng lab 02



II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỦ TRÌ	THỜI GIAN				
			Ca 1	Ca 2	Ca 3	Ca 4	Ca 5
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ.	Chủ tịch HĐ	7:00	9:50	12:20	14:50	17:20
2	Sinh hoạt quy chế, nội qui, quy định phòng thi.	Thư ký HĐ	7:05				
3	- Đánh số báo danh. - Gọi thí sinh vào phòng thi, đối chiếu số ảnh, bố trí chỗ ngồi cho thí sinh đúng vị trí quy định.	Giám thị 1	7:15				
	- Kiểm tra vật dụng mang vào phòng thi của thí sinh.	Kỹ thuật viên					
	- Kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Phổ biến quy chế thi.	Giám thị 2,3					

[Signature]

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỦ TRÌ	THỜI GIAN				
			Ca 1	Ca 2	Ca 3	Ca 4	Ca 5
PHẦN THI TRẮC NGHIỆM							
4	- Phát dữ liệu đề thi trắc nghiệm trên phần mềm về từng máy cho thí sinh. - Hướng dẫn thí sinh sử dụng tài khoản cá nhân để đăng nhập làm bài thi.	Kỹ thuật viên	7:25	9:55	12:25	14:55	17:25
5	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi trắc nghiệm.	Giám thị	7:30	10:00	12:30	15:00	17:30
6	Kết thúc thời gian làm bài thi trắc nghiệm: - Duy trì ổn định và trật tự trong phòng thi	Giám thị 1	8:00	10:30	13:00	15:30	18:00
	- In Kết quả phần thi trắc nghiệm	Kỹ thuật viên					
	- Yêu cầu thí sinh ký tên xác nhận kết quả phần thi trắc nghiệm.	Giám thị 2,3					
PHẦN THI THỰC HÀNH							
1	- Phát dữ liệu thi thực hành trên máy chủ về từng máy cho thí sinh.	Trưởng Ban coi thi	8:10	10:40	13:10	15:40	18:10
	- Hướng dẫn thí sinh đường dẫn lấy dữ liệu thi và đường dẫn lưu kết quả bài thi.	Kỹ thuật viên					
2	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi thực hành.	Giám thị	8:15	10:45	13:15	15:45	18:15
3	Kết thúc thời gian làm bài thi thực hành: - Duy trì ổn định, trật tự phòng thi.	Giám thị 1	9:45	12:15	14:45	17:15	19:45
	- Yêu cầu thí sinh ký tên vào Danh sách xác nhận tệp kết quả thi thực hành.	Giám thị 2,3 & Kỹ thuật viên					
	- Niêm phong 02 Thiết bị lưu trữ bài thi.	Giám thị & Kỹ thuật viên					
4	Nộp Danh sách kết quả thi trắc nghiệm, 02 thiết bị lưu trữ bài thi đã được niêm phong, các biên bản phòng thi.	Giám thị, Kỹ thuật viên & Ban thư ký	Ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ				
5	Xóa toàn bộ dữ liệu thi của ca thi.	Kỹ thuật viên					
6	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng.	Chủ tịch HĐ					

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)



TM. HỘI ĐỒNG THI CHỦ TỊCH

ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 16/10/2020

PHÒNG THI: TH01

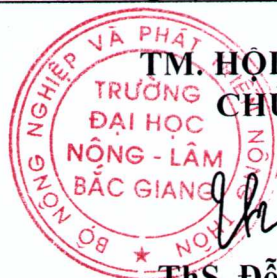
Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01, Trung tâm NN-TH (tầng 2, Nhà B1) - **12h00'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01, Trung tâm NN-TH (tầng 2, Nhà B1) - **13h15'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT01	Lương Tuấn Anh	10/12/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	
2	CNTT02	Nguyễn Thị Phương Anh	28/07/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	
3	CNTT03	Nguyễn Thị Chi	30/05/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
4	CNTT04	Hoàng Anh Cường	29/12/1979	Bắc Giang	Nam	Kinh	
5	CNTT05	Vũ Thị Dung	10/10/1980	Nam Định	Nữ	Kinh	
6	CNTT06	Đào Duy Dũng	16/06/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	
7	CNTT07	Hoàng Thị Hà	28/09/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
8	CNTT08	Giáp Thị Hằng	30/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
9	CNTT09	Phạm Thị Hằng	17/11/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
10	CNTT10	Hoàng Thị Hè	19/04/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
11	CNTT11	Phạm Thị Phương Hoa	13/02/1975	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
12	CNTT12	Trần Thị Hồng	08/11/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
13	CNTT13	Đỗ Thị Kim Huệ	19/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
14	CNTT14	Dương Thị Huệ	23/04/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
15	CNTT15	Trần Thị Thúy Huyền	10/10/1975	Phú Thọ	Nữ	Kinh	
16	CNTT16	Trần Thị Hương	13/07/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
17	CNTT17	Hà Thị Khoa	06/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
18	CNTT18	Hoàng Thị Liên	20/11/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
19	CNTT19	Ngô Thị Diễm Linh	15/08/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
20	CNTT20	Tăng Thị Lý	02/12/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
21	CNTT21	Nguyễn Thị Mai	24/04/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
22	CNTT22	Vũ Thanh Nga	19/05/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
23	CNTT23	Ngọc Thị Nghĩa	11/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
24	CNTT24	Vi Thị Nhật	10/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
25	CNTT25	Tạ Như Quỳnh	25/07/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
26	CNTT26	Nguyễn Thị Tân	07/11/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
27	CNTT27	Vi Thị Thảo	12/05/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
28	CNTT28	Nguyễn Quang Tiến	10/09/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	
29	CNTT29	Nguy Thị Trang	13/07/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
30	CNTT30	Ngô Thị Uyên	27/03/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 30/.



**TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH**

ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 16/10/2020

PHÒNG THI: TH02

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01, Trung tâm NN-TH (tầng 2, Nhà B1) - **14h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01, Trung tâm NN-TH (tầng 2, Nhà B1) - **15h45'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT31	Lương Thị Dung	25/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
2	CNTT32	Trần Khánh Duy	10/04/1996	Yên Bái	Nam	Kinh	
3	CNTT33	Nguyễn Anh Dương	23/08/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	
4	CNTT34	Đỗ Thị Hằng	16/02/1974	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
5	CNTT35	Diêm Đức Hân	06/05/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	
6	CNTT36	Nguyễn Thị Hiền	07/05/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
7	CNTT37	Lê Văn Hồi	13/01/1970	Nam Định	Nam	Kinh	
8	CNTT38	Chu Anh Hồng	20/07/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
9	CNTT39	Ngô Thị Hồng	24/12/1973	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
10	CNTT40	Phan Quốc Hưng	23/05/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	
11	CNTT41	Nguyễn Thị Mai Hương	13/05/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
12	CNTT42	Nguyễn Thị Thu Hường	22/05/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
13	CNTT43	Lê Thị Ngọc Lan	01/08/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
14	CNTT44	Đặng Văn Linh	02/09/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	
15	CNTT45	Nguyễn Thị Mai Linh	30/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
16	CNTT46	Nguyễn Thị Ngân	07/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
17	CNTT47	Đinh Văn Nguyên	23/06/1989	Bắc Giang	Nam	Dao	
18	CNTT48	Đỗ Thị Minh Nguyệt	06/02/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
19	CNTT49	Nguyễn Văn Quân	11/05/1978	Bắc Giang	Nam	Kinh	
20	CNTT50	Triệu Thị Soạn	10/08/1989	Bắc Giang	Nữ	Dao	
21	CNTT51	Lê Thị Thanh	09/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
22	CNTT52	Dương Thị Thảo	04/03/1988	Bắc Giang	Nữ	Nùng	
23	CNTT53	Lương Văn Thủy	02/03/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	
24	CNTT54	Nguyễn Thị Hồng Trang	13/09/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
25	CNTT55	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/12/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
26	CNTT56	Nguyễn Văn Tùng	25/05/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	
27	CNTT57	Đỗ Thị Tuyết	14/02/1973	Hà Nam	Nữ	Kinh	
28	CNTT58	Nguyễn Thị Uyên	09/09/1975	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
29	CNTT59	Nông Thị Uyên	10/07/1998	Bắc Giang	Nữ	Nùng	
30	CNTT60	Vũ Thị Thu Uyên	17/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
31	CNTT298	Đào Thị Huê	28/05/1981	Bắc Giang	Nữ	Cao	
32	CNTT299	Nguyễn Thị Lương	15/08/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 32./.

TM. HỘI ĐỒNG THI
TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
CHỦ TỊCH
ThS. Đỗ Thị Huyền

NGÀY THI: 17/10/2020

PHÒNG THI: TH03

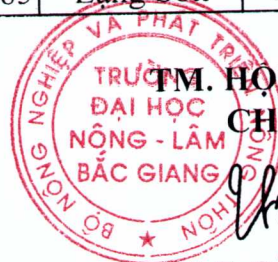
Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 01 - 07h00'

Phần thi Thực hành: Phòng Lab 01 - 08h15'

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT61	Phạm Thế Anh	23/09/1989	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
2	CNTT62	Nguyễn Viết Ánh	06/10/1986	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
3	CNTT63	Nông Thị Ngọc Ánh	21/10/1997	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
4	CNTT64	Nguyễn Minh Cường	27/04/1973	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
5	CNTT65	Hoàng Hương Dương	30/08/1988	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
6	CNTT66	Trần Thị Hồng Hà	18/02/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
7	CNTT67	Nguyễn Trung Hậu	06/06/1985	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
8	CNTT68	Nông Thị Hiền	18/12/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
9	CNTT69	Triệu Thị Hiền	28/01/1975	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
10	CNTT70	Nguyễn Anh Hoàng	22/09/1989	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
11	CNTT71	Nguyễn Sơn Hoàng	08/12/1989	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
12	CNTT72	Long Văn Huân	27/04/1986	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
13	CNTT73	Phùng Thị Huệ	03/08/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
14	CNTT74	Hoàng Thu Huyền	15/12/1976	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
15	CNTT75	Trần Thanh Huyền	16/11/1987	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
16	CNTT76	Vi Thị Hương	07/06/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
17	CNTT77	Hoàng Thị Lan	14/05/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
18	CNTT78	Nguyễn Hương Ly	12/10/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
19	CNTT79	Nguyễn Hồng Nhung	01/02/1998	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
20	CNTT80	Phùng Thị Sen	11/12/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
21	CNTT81	Lê Thị Thủy	11/06/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
22	CNTT82	Hoàng Thị Tình	08/12/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
23	CNTT83	Lăng Minh Tuấn	23/01/1992	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
24	CNTT84	Nguyễn Anh Tuấn	29/05/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	
25	CNTT85	Chu Thị Tươi	11/06/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
26	CNTT86	Nông Thị Vui	30/01/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
27	CNTT87	Hoàng Thị Trường Xa	05/02/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 27/.



TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH

ThS. Đỗ Thị Huyền

TRƯỜNG ĐH NÔNG-LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 17/10/2020

PHÒNG THI: TH04

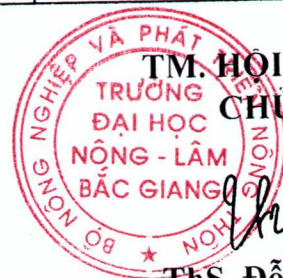
Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 02 - 07h00'

Phần thi Thực hành: Phòng Lab 02 - 08h15'

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT88	Hứa Minh Anh	12/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
2	CNTT89	Lâm Thị Vân Anh	19/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
3	CNTT90	Lê Hoàng Anh	08/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
4	CNTT91	Lê Hoàng Anh	02/07/1999	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
5	CNTT92	Lương Tuấn Anh	06/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
6	CNTT93	Lý Đức Anh	16/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
7	CNTT94	Ngô Trung Anh	05/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
8	CNTT95	Nguyễn Đình Anh	29/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
9	CNTT96	Nguyễn Huyền Anh	10/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
10	CNTT97	Nguyễn Tiến Anh	29/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
11	CNTT98	Nông Hà Anh	15/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
12	CNTT99	Nguyễn Ngọc Ánh	28/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
13	CNTT100	Nguyễn Kim Bách	22/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
14	CNTT101	Vũ Quốc Bảo	15/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
15	CNTT102	Lăng Thị Ngọc Bích	28/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
16	CNTT103	Mã Lệ Bình	30/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
17	CNTT104	Hoàng Thúy Chang	05/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
18	CNTT105	Nguyễn Bảo Ngọc Châu	06/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
19	CNTT106	Nguyễn Ngọc Châu	14/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
20	CNTT107	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	03/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
21	CNTT108	Vi Thị Chi	28/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 21/.



TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH

ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 17/10/2020

PHÒNG THI: TH05

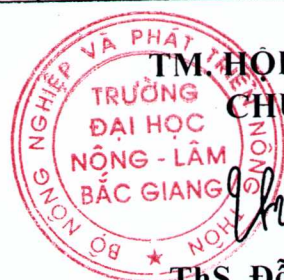
Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 01 - **09h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng Lab 01 - **10h45'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT109	Mè Quang Chiến	01/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
2	CNTT110	Hoàng Thị Phương Chinh	12/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
3	CNTT111	Trần Đức Chính	22/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
4	CNTT112	Lý Quang Chung	17/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
5	CNTT113	Nguyễn Đức Chương	02/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
6	CNTT114	Hoàng Thanh Cúc	04/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
7	CNTT115	Phùng Văn Cương	15/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
8	CNTT116	Nguyễn Mạnh Cường	02/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
9	CNTT117	Nguyễn Quốc Cường	21/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
10	CNTT118	Dương Thị Dung	26/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
11	CNTT119	Hứa Tiến Dũng	30/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
12	CNTT120	Linh Mạnh Dũng	11/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
13	CNTT121	Linh Quốc Dũng	21/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
14	CNTT122	Nguyễn Đình Dũng	05/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
15	CNTT123	Phùng Văn Dũng	26/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
16	CNTT124	Vi Hoàng Duy	14/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
17	CNTT125	Vy Đức Duy	12/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
18	CNTT126	Hoàng Bảo Dương	06/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
19	CNTT127	Hoàng Văn Dương	15/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
20	CNTT128	Lê Thùy Dương	21/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
21	CNTT129	Bùi Hoàng Đại	24/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
22	CNTT130	Nguyễn Phùng Đại	18/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
23	CNTT131	Vi Thị Đạo	25/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
24	CNTT132	Ngô Tiến Đạt	29/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
25	CNTT133	Vi Văn Đạt	27/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
26	CNTT134	Hứa Ngọc Độ	19/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 26./.



TM. HỘI ĐỒNG THI CHỦ TỊCH

ThS. Đỗ Thị Huyền

TRƯỜNG ĐH NÔNG-LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTTCB
DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
NGÀY THI: 17/10/2020
PHÒNG THI: TH06

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 02 - **09h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng Lab 02 - **10h45'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT135	Nguyễn Công Minh Đức	29/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
2	CNTT136	Triệu Văn Đức	20/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
3	CNTT137	Phùng Thị Giang	21/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
4	CNTT138	Vũ Minh Giang	26/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
5	CNTT139	Đặng Quý Hà	06/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
6	CNTT140	Hứa Văn Hải	18/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
7	CNTT141	Nguyễn Văn Hải	18/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
8	CNTT142	Phùng Ngọc Hải	10/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
9	CNTT143	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	24/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
10	CNTT144	Chu Triệu Minh Hào	31/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
11	CNTT145	Nguyễn Thu Hằng	09/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
12	CNTT146	Nguyễn Thúy Hằng	16/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
13	CNTT147	Vi Thị Hằng	17/12/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
14	CNTT148	Vi Công Hậu	27/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
15	CNTT149	Dương Thị Thu Hiền	08/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
16	CNTT150	Triệu Thúy Hiền	18/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
17	CNTT151	Chu Văn Hiếu	02/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
18	CNTT152	Hoàng Đức Hiếu	05/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
19	CNTT153	Chu Thị Hoài	13/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
20	CNTT154	Lý Thu Hoài	11/01/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
21	CNTT155	Nguyễn Thị Hoài	07/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 21./.

**TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH**

ThS. Đỗ Thị Huyền

TRƯỜNG ĐH NÔNG-LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTTCB
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
NGÀY THI: 17/10/2020
PHÒNG THI: TH07

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 01 - **12h00'**

Phần thi Thực hành: Phòng Lab 01 - **13h15'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT156	Đỗ Đức Hoàn	21/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
2	CNTT157	Chu Việt Hoàng	08/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
3	CNTT158	Nguyễn Huy Hoàng	27/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
4	CNTT159	Phạm Như Hoàng	28/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
5	CNTT160	Sầm Văn Hoàng	25/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
6	CNTT161	Triệu Việt Hoàng	17/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
7	CNTT162	Vi Ngọc Hoàng	20/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
8	CNTT163	Nguyễn Ngọc Hùng	12/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
9	CNTT164	Nguyễn Xuân Hùng	24/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
10	CNTT165	Đỗ Quang Huy	01/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
11	CNTT166	Hoàng Quang Huy	11/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
12	CNTT167	Lê Quốc Huy	27/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
13	CNTT168	Lý Anh Huy	13/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
14	CNTT169	Ngô Quang Huy	04/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
15	CNTT170	Bùi Thanh Huyền	05/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
16	CNTT171	Hoàng Thị Ngọc Huyền	01/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
17	CNTT172	Nguyễn Văn Hưng	03/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
18	CNTT173	Phùng Tuấn Hưng	13/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
19	CNTT174	Nguyễn Ngọc Khải	22/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
20	CNTT175	Đoàn Ngọc Khanh	03/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
21	CNTT176	Hoàng Chí Khanh	18/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
22	CNTT177	Hoàng Duy Khánh	04/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
23	CNTT178	Hoàng Văn Khánh	13/01/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	
24	CNTT179	Lê Duy Khánh	26/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
25	CNTT180	Lý Nam Khánh	23/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
26	CNTT181	Nguyễn Quang Khánh	18/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 26./.

**TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH**

ThS. Đỗ Thị Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG-LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTTCB
DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
NGÀY THI: 17/10/2020
PHÒNG THI: TH08

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 02 - **12h00'**

Phần thi Thực hành: Phòng Lab 02 - **13h15'**

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT182	Nông Quốc Khánh	02/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
2	CNTT183	Vy Long Khánh	25/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
3	CNTT184	Đoàn Đăng Khoa	03/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	
4	CNTT185	Nguyễn Văn Khôi	08/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
5	CNTT186	Lương Hoàng Khuyến	28/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
6	CNTT187	Hoàng Thị Thanh Khương	04/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
7	CNTT188	Lê Trung Kiên	24/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
8	CNTT189	Nông Trung Kiên	20/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
9	CNTT190	Vi Mai Lan	01/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
10	CNTT191	Ngô Thị Lăng	27/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
11	CNTT192	Ngô Thị Mỹ Lệ	03/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
12	CNTT193	Lèo Thị Liên	05/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
13	CNTT194	Hoàng Thị Liễu	09/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
14	CNTT195	Lăng Hoàng Diệu Linh	14/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
15	CNTT196	Lý Việt Linh	30/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
16	CNTT197	Nguyễn Thị Hoài Linh	30/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
17	CNTT198	Hoàng Văn Long	26/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
18	CNTT199	Vi Hoàng Long	30/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
19	CNTT200	Đàm Tấn Lộc	20/12/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	
20	CNTT201	Vy Thanh Luân	25/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
21	CNTT202	Triệu Đăng Lực	14/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 21/.



**TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH**

ThS. Đỗ Thị Huyền

TRƯỜNG ĐH NÔNG-LÂM BẮC GIANG
 HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTTCB
 DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
 NGÀY THI: 17/10/2020
 PHÒNG THI: TH09

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 01 - 14h30'

Phần thi Thực hành: Phòng Lab 01 - 15h45'

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT203	Du Khánh Ly	01/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
2	CNTT204	Hoàng Thị Bích Ly	18/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
3	CNTT205	Hoàng Thị Cẩm Ly	27/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
4	CNTT206	Nguyễn Thị Hương Mai	29/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
5	CNTT207	Lê Đức Mạnh	17/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
6	CNTT208	Lê Duy Mạnh	30/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
7	CNTT209	Trần Văn Mạnh	22/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
8	CNTT210	Hoàng Thị Mây	10/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
9	CNTT211	Hoàng Công Minh	28/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
10	CNTT212	Hứa Duy Minh	07/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
11	CNTT213	Lèo Quang Minh	18/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
12	CNTT214	Nguyễn Huy Minh	01/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
13	CNTT215	Nguyễn Thị Mùa	02/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
14	CNTT216	Đỗ Hoàng Nam	15/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
15	CNTT217	Nguyễn Văn Nam	28/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
16	CNTT218	Phùng Thị Nga	28/12/2002	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
17	CNTT219	Chu Thị Bảo Ngân	02/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
18	CNTT220	Triệu Văn Nghị	06/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
19	CNTT221	Vy Tuấn Nghiệp	01/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
20	CNTT222	Long Văn Nguyên	30/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
21	CNTT223	Ngô Long Nhật	04/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
22	CNTT224	Dương Thị Phương	08/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
23	CNTT225	Trần Thu Phương	18/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
24	CNTT226	Đinh Minh Quân	21/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
25	CNTT227	Đinh Văn Quân	05/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
26	CNTT228	Nguyễn Hồng Quân	01/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 26/.


 TM. HỘI ĐỒNG THI
 CHỦ TỊCH
 ThS. Đỗ Thị Huyền

TRƯỜNG ĐH NÔNG-LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTTCB
DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGÀY THI: 17/10/2020

PHÒNG THI: TH10

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 02 - 14h30'

Phần thi Thực hành: Phòng Lab 02 - 15h45'

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT229	Trần Văn Quyền	19/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
2	CNTT230	Dương Mai Quỳnh	30/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
3	CNTT231	Hoàng Thanh Quỳnh	13/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	
4	CNTT232	Nông Thị Hương Quỳnh	02/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
5	CNTT233	Trần Thị Diễm Quỳnh	15/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
6	CNTT234	Hoàng Mạnh Sang	14/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	
7	CNTT235	Hoàng Mạnh Sâm	04/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
8	CNTT236	Quản Thị Sâm	30/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	
9	CNTT237	Hoàng Văn Sự	05/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
10	CNTT238	Bùi Quang Tại	24/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
11	CNTT239	Vi Thị Thanh Thanh	10/08/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
12	CNTT240	Vi Tất Thành	10/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
13	CNTT241	Hoàng Thị Thảo	28/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Thái	
14	CNTT242	Mạc Văn Thảo	20/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
15	CNTT243	Chu Thị Hồng Thắm	20/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
16	CNTT244	Phan Thị Thắm	14/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
17	CNTT245	Đinh Văn Thắng	09/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Ê đê	
18	CNTT246	Lào Quyết Thắng	18/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
19	CNTT247	Lưu Ngọc Thắng	18/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
20	CNTT248	Nguyễn Quyết Thắng	22/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
21	CNTT249	Lý Văn Thế	01/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 21/.



TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH

ThS. Đỗ Thị Huyền

TRƯỜNG ĐH NÔNG-LÂM BẮC GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTTCB **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
NGÀY THI: 17/10/2020
PHÒNG THI: TH11

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 01 - 17h00'

Phần thi Thực hành: Phòng Lab 01 - 18h15'

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT250	Hoàng Văn Thiệu	25/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
2	CNTT251	Hứa Văn Thịnh	28/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
3	CNTT252	Hoàng Đình Thu	12/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
4	CNTT253	Vi Văn Thuận	09/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
5	CNTT254	Lành Thị Thúy	19/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
6	CNTT255	Đàm Thị Anh Thư	20/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
7	CNTT256	Hoàng Thị Thư	22/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
8	CNTT257	Hứa Văn Thương	10/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
9	CNTT258	Lý Mạnh Thương	12/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
10	CNTT259	Nguyễn Văn Tiến	12/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
11	CNTT260	Lộc Minh Tiệp	18/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
12	CNTT261	Hứa Văn Tin	15/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
13	CNTT262	Lào Thùy Trang	13/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	
14	CNTT263	Lương Ngọc Trang	26/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
15	CNTT264	Vi Thùy Trang	13/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
16	CNTT265	Mã Văn Trọng	20/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
17	CNTT266	Đặng Đình Trúc	20/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
18	CNTT267	Hoàng Văn Trương	21/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
19	CNTT268	Lý Văn Trường	15/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
20	CNTT269	Triệu Mạnh Trường	23/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
21	CNTT270	Hoàng Minh Tú	21/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
22	CNTT271	Lý Mạnh Tú	07/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
23	CNTT272	Ngô Văn Tú	07/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
24	CNTT273	Triệu Quang Tú	23/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
25	CNTT274	Vi Anh Tú	01/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
26	CNTT275	Lâm Minh Tuấn	17/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 26./.


TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH

ThS. Đỗ Thị Huyền

TRƯỜNG ĐH NÔNG-LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTTCB
DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGÀY THI: 17/10/2020

PHÒNG THI: TH12

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng Lab 02 - 17h00'

Phần thi Thực hành: Phòng Lab 02 - 18h15'

TT	SBD (Mã TK)	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi Sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	CNTT276	Nguyễn Văn Tiến Tuấn	03/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
2	CNTT277	Vi Quốc Tuấn	26/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
3	CNTT278	Đỗ Xuân Tùng	28/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
4	CNTT279	Hoàng Thanh Tùng	08/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
5	CNTT280	Hoàng Thị Thu Uyên	20/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
6	CNTT281	Linh Thị Tú Uyên	04/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
7	CNTT282	Lý Cẩm Vân	15/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
8	CNTT283	Phạm Thị Khánh Vân	02/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	
9	CNTT284	Mã Văn Việt	04/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
10	CNTT285	Đàm Hoa Vinh	03/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
11	CNTT286	Nông Ngọc Vinh	05/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
12	CNTT287	Nông Văn Vinh	29/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
13	CNTT288	Hoàng Tuấn Vũ	25/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
14	CNTT289	Nguyễn Hữu Vũ	25/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
15	CNTT290	Nguyễn Văn Vũ	20/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
16	CNTT291	Nông Tuấn Vũ	25/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
17	CNTT292	Quản Tuấn Vũ	20/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
18	CNTT293	Vi Thiên Vũ	23/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
19	CNTT294	Hoàng Văn Vương	14/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	
20	CNTT295	Nguyễn Minh Vương	19/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	
21	CNTT296	Trần Hoàng Hà Vy	22/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	
22	CNTT297	Vi Quốc Việt	28/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 22./

